



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vĩnh Long, ngày 01 tháng 4 năm 2019

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 đã kiểm toán

Kính trình : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long (DCL),

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 của Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long, được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán VACO, phát hành ngày 15 tháng 3 năm 2019.

Toàn bộ báo cáo được đăng tải trên website DCL: www.pharimexco.com.vn. Báo cáo tóm tắt kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được đính kèm theo tờ trình này.

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Trân trọng cảm ơn.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Đã ký)

Nguyễn Văn Sang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số Thuyết minh		Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	812.363.794.235	775.836.659.415
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	8.184.180.268	10.494.861.557
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		804.179.613.967	765.341.797.858
4. Giá vốn hàng bán	11	27	595.819.477.877	514.895.827.851
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		208.360.136.090	250.445.970.007
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	54.198.600.982	18.489.002.502
7. Chi phí tài chính	22	30	44.635.647.881	18.670.821.991
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		34.510.913.496	16.665.265.165
8. Chi phí bán hàng	25	31	143.884.690.203	108.193.576.764
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	53.723.721.023	53.748.600.481
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		20.314.677.965	88.321.973.273
11. Thu nhập khác	31	32	3.366.380.727	11.117.184.934
12. Chi phí khác	32		3.653.205.107	1.186.576.725
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(286.824.380)	9.930.608.209
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		20.027.853.585	98.252.581.482
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	7.100.335.627	23.744.291.811
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	16	229.488.314	(368.923.577)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		12.698.029.644	74.877.213.248
18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		12.534.549.475	74.303.685.098
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		163.480.169	573.528.150
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	221	1.275
21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	35	238	1.319



Trịnh Quốc Khánh
Phó Tổng Giám đốc
Vĩnh Long, ngày 15 tháng 03 năm 2019

Nguyễn Lâm Minh Thương
Người lập biểu

Trần Huệ Nga
Kế toán trưởng